

Lý thuyết Toán lớp 1: Phép trừ trong phạm vi 100 (trừ không nhớ)

KIẾN THỨC CẦN NHỚ

- Biết đặt tính, làm tính trừ các số có hai chữ số.
- Trừ nhẩm các số trong phạm vi 100;
- Vận dụng giải được bài toán có lời văn.

CHỤC	ĐƠN VỊ
5	7
- 2	3
3	4

$57 - 23 = 34$
 • 7 trừ 3 bằng 4, viết 4
 • 5 trừ 2 bằng 3, viết 3

CHỤC	ĐƠN VỊ
6	5
- 3	0
3	5

$65 - 30 = 35$
 • 5 trừ 0 bằng 5, viết 5
 • 6 trừ 3 bằng 3, viết 3

CHỤC	ĐƠN VỊ
3	6
- 4	2
3	2

$36 - 4 = 32$
 • 6 trừ 4 bằng 2, viết 2
 • Hạ 3, viết 3

CÁC DẠNG TOÁN

Dạng 1: Thực hiện phép tính.

Thực hiện phép trừ số có hai chữ số bằng cách thực hiện từ phải sang trái, trừ các số của hàng đơn vị rồi trừ các số ở hàng chục.

Ví dụ: Đặt tính và tính $45 - 13$

$$\begin{array}{r} 45 \\ - 13 \\ \hline 32 \end{array}$$

- 5 trừ 3 bằng 2, viết 2
- 4 trừ 1 bằng 3, viết 3

$$\text{Vậy } 45 - 13 = 32$$

Dạng 2: Bài toán có lời văn

- Đọc và phân tích đề bài: Xác định các số đã cho, số lượng tăng hoặc giảm và yêu cầu của bài toán.

- Tìm lời giải cho bài toán:

Em dựa vào các từ khóa “thêm”, “bớt”, “tất cả”, “còn lại”... để xác định phép tính cần dùng cho bài toán.

Thường bài toán yêu cầu tìm giá trị “còn lại” thì ta sẽ dùng phép tính trừ để tìm lời giải.

- Trình bày lời giải cho bài toán: Viết rõ ràng lời giải, phép tính, đáp số.

- Kiểm tra lại lời giải và kết quả em vừa tìm được.

Ví dụ: Một cửa hàng có 33 hộp quà, họ bán được 10 hộp quà. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu hộp quà?

Phân tích: Muốn tìm số hộp còn lại thì cần lấy số hộp ban đầu trừ đi số hộp đã bán.

Giải:

Cửa hàng còn lại số hộp quà là:

$$33 - 10 = 23 \text{ (hộp quà)}$$

Đáp số: 23 hộp quà.

Dạng 3: So sánh

Muốn so sánh hai hoặc nhiều giá trị của phép trừ các số có hai chữ số thì cần:

- Thực hiện phép tính

- So sánh các kết quả vừa tìm được.

Ví dụ: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: $76 - 33 \dots 76 - 34$

Giải:

Dấu cần điền vào chỗ chấm là dấu $>$.

